TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG

Bản án số: 133/2023/DS-ST.

Ngày: 17-5-2023.

V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Thanh Trinh**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị Nhàn**.

2. Ông **Trần Văn Nghiệm**.

- **Thư ký phiên tòa**: Bà Trần Thị Ngọc Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên toà: Bà Đặng Kiều My – kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 139/2023/TLST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2023 về tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2023/QĐXXST-DS ngày 04/5/2023, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn*:* **Trần Hữu N**, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn V, huyện G, tỉnh T.

-Bị đơn: **Trần Thị Hữu H**, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn V, huyện G, tỉnh T.

(Ông N có mặt, bà H có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trần Hữu N trình bày:**

Vào ngày 05/8/2022, ông có cho bà H vay số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), lãi suất 6%/tháng (tức là mỗi tháng trả lãi 3.600.000 đồng), ba tháng đầu bà H có trả đủ lãi, sau đó ngưng không trả lãi đến ngày 28/02 (âm lịch) có trả được 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) rồi ngưng cho đến nay, các giấy tờ trả lãi không có lập giấy tờ trã lãi. Biên nhận nợ 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) là do bà H tự viết, tự ký tên, ghi họ tên.

Sau đó bà H có vay tiếp của ông số tiền là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), lãi suất 6%/tháng, tức là mỗi tháng bà H trả lãi cho ông N số tiền là 3.600.000 đồng (Ba triệu sáu trăm ngàn đồng), bà H trả lãi cho ông được ba tháng đầu, trả từ ngày 05/8/2022, sau ba tháng thì ngưng không trả lãi. Các giấy tờ trả lãi thì không có lập, sau đó bà H có vay tiếp. Hiện nay bà H còn nợ lại ông tổng số tiền nợ gốc là 63.000.000 đồng (Sáu mươi ba triệu đồng).

Nay ông Nghĩa yêu cầu:

- Bà Trần Thị Hữu H trả cho ông số tiền vay là 63.000.000 đồng (Sáu mươi ba triệu đồng) vốn gốc, yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu trả lãi.

*** Tại biên bản lấy lời khai bị đơn bà Trần Thị Hữu H trình bày:**

Bà và ông Trần Hữu N không có bà con gì với nhau.

Bà có vay tiền của ông Trần Hữu N, cụ thể: Vào ngày 05/8/2022, bà có vay của ông N số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), lãi suất 6%/tháng, không có quy định thời gian trả hết số nợ này, nhưng hàng tháng phải trả lãi, mỗi tháng bà trả tổng cộng là 4.300.000 đồng (Bốn triệu ba trăm ngàn đồng), từ ngày 05/9/2022 thì bà bắt đầu trả lãi, bà trả lãi đều hàng tháng đến tháng 02/2023 thì bà ngưng trả lãi, do ông N đánh bà nên bà ngưng trả lãi cho đến nay, hiện tiền vốn của số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) thì bà chưa trả, các giấy tờ trả lãi hàng tháng thì bà không có giữ bất kỳ giấy tờ trả lãi nào của ông N, bà chỉ trả tiền lãi cho ông N rồi về, ông N không có giao cho bà bất kỳ giấy tờ trả lãi nào. Sau đó thì bà có mượn thêm của ông N số tiền là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), chữ ký tên H trong biên nhận nợ của số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) là do bà ký tên xác nhận nợ ông N, biên nhận này do bà viết. Biên nhận nợ của số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) cũng là do bà H viết, ký tên. Đối với số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) thì mỗi tháng bà đóng lãi cho ông N 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) lãi suất 10%/tháng, đóng lãi đến tháng 02/2023 thì ngưng đóng lãi, các giấy tờ đóng lãi cho số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) này thì bà không có giữ. Sau đó bà và ông N có cộng tiền lại thì hiện nay bà còn nợ ông N tổng số tiền vốn gốc là 63.000.000 đồng (Sáu mươi ba triệu đồng). Nay ông Nghĩa yêu cầu bà trả số tiền gốc là 63.000.000 đồng (Sáu mươi ba triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày 08/02/ (âm lịch) nhằm ngày 29/3/2023 đến khi xét xử với mức lãi suất 1,66%/tháng thì bà có ý kiến bà chỉ đồng ý trả cho ông N số tiền nợ gốc là 63.000.000 đồng (Sáu mươi ba triệu đồng), xin trả dần mỗi tháng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), trả đến khi trả hết số nợ 63.000.000 đồng (Sáu mươi ba triệu đồng), xin không trả lãi, đối với lãi suất 1,66%/tháng theo yêu cầu của ông N thì bà không đồng ý lãi suất. Bà xin cam đoan lời trình bày của bà là tự nguyện. Ngoài ra bà không có yêu cầu gì khác.

***Tại phiên tòa;**

+ Nguyên đơn ông N yêu cầu bà Trần Thị Hữu H trả cho ông số tiền nợ gốc là 63.000.000 đồng (Sáu mươi ba triệu đồng), yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu trả lãi với lý do bà H hứa bán đất trả cho ông nhưng không thực hiện.

+ Bị đơn bà Trần Thị Hữu H đồng ý trả cho ông Nghĩa số tiền nợ gốc là 63.000.000 đồng (Sáu mươi ba triệu đồng), nhưng xin trả dần mỗi tháng trả 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), trả đến khi trả hết số tiền nợ 63.000.000 đồng (Sáu mươi ba triệu đồng) do hoàn cảnh khó khăn nên bà không có khả năng trả một lần. Ngoài ra bà không có yêu cầu gì khác.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây có ý kiến:**

Về việc tuân theo pháp luật: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký việc chấp hành pháp luật

của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật. Về việc giải quyết vụ kiện: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466, Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hữu N. Buộc bà Trần Thị Hữu H có nghĩa vụ trả cho ông Trần Hữu N số tiền là 63.000.000 đồng (Sáu mươi ba triệu đồng), trả khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, cũng như xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ tranh chấp giữa ông Trần Hữu N và bà Trần Thị Hữu H là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hữu N yêu cầu:

Bà Trần Thị Hữu H có nghĩa vụ trả cho ông Nghĩa số tiền vốn vay là 63.000.000 đồng (Sáu mươi ba triệu đồng), không yêu cầu tính lãi, yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực là có cơ sở, bởi lẻ: Giữa ông N và bà H có xác lập hợp đồng vay tài sản với chứng cứ là: "Giấy mượn tiền ngày 05/8/2022; Giấy mượn tiền của số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng)", các giấy mượn tiền này bà H đều thống nhất thừa nhận bà có ký tên xác nhận nợ. Tại phiên tòa hôm nay, bà H cũng thống nhất thừa nhận bà H có nợ ông N số tiền vốn vay là 63.000.000 đồng (Sáu mươi ba triệu đồng). Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu khởi kiện của ông N yêu cầu bà H trả cho ông tổng số tiền nợ vay là 63.000.000 đồng (Sáu mươi ba triệu đồng) là có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[3]. Về yêu cầu trả dần: Bà H đồng ý trả số nợ 63.000.000 đồng (Sáu mươi ba triệu đồng) nhưng xin trả dần mỗi tháng là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), trả đến khi trả hết số nợ 63.000.000 đồng (Sáu mươi ba triệu đồng). Xét yêu cầu này của H không được ông Nghĩa đồng ý, việc trả dần này của bà H là nhằm kéo dài thời gian trả nợ, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông N nên không được chấp nhận.

[4]. Xét yêu cầu trả lãi: Do ông N không yêu cầu bà Hương trả lãi của số tiền 63.000.000 đồng (Sáu mươi ba triệu đồng), đây là sự tự nguyện của ông N, phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[5]. Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp yêu cầu khởi kiện của ông N nên bà H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 357 Bộ luật dân sự 2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hữu N.

- Buộc bà Trần Thị Hữu H có nghĩa vụ trả cho ông Trần Hữu N số tiền là 63.000.000 đồng (Sáu mươi ba triệu đồng).

Thời gian trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông N cho đến khi thi hành án xong, bà H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

*** Về án phí dân sự sơ thẩm:**

+ Bà Trần Thị Hữu H phải chịu số tiền là 3.150.000 đồng (Ba triệu một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

+ Hoàn lại cho ông Trần Hữu N số tiền là 1.602.000 đồng (Một triệu sáu trăm lẻ hai ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0027048 ngày 18/4/2023 của chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh T.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh T;
- VKSND huyện G;
- CC.THADS huyện G;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Đặng Thị Thanh Trinh